

Mối quan hệ tương hỗ giữa "Tu sĩ" và "Cư sĩ"

ISSN: 2734-9195 09:30 09/03/2026

Cư sĩ cung cấp điều kiện vật chất để Tăng đoàn tồn tại và có thể nuôi dưỡng, phát triển. Ngược lại, Tăng đoàn đem tới đạo hạnh, khai mở những kiến thức còn bị che lấp.

Dẫn nhập

Trong bất kỳ xã hội nào, các mối quan hệ giữa con người với nhau đều không tồn tại theo dạng một chiều, mà luôn được vận hành trên nguyên tắc tương tác và tương hỗ.

Một cộng đồng chỉ có thể duy trì sự ổn định khi mỗi thành phần trong đó vừa đảm nhận vai trò riêng, vừa đồng thời nâng đỡ và điều chỉnh lẫn nhau. Người sản xuất tạo ra của cải vật chất để duy trì đời sống; người làm giáo dục truyền đạt tri thức; người lãnh đạo tổ chức và định hướng xã hội; và những người dành trọn đời cho đời sống tinh thần đóng vai trò giữ gìn các chuẩn mực đạo đức.

Tất cả những yếu tố ấy không tồn tại tách rời, mà gắn bó với nhau trong một cấu trúc vận hành chung.

Trong cấu trúc đó, mối quan hệ giữa tu sĩ và cư sĩ là một trong những dạng tương tác đặc biệt. Tu sĩ không trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất hay tích lũy vật chất, nhưng họ đảm nhận vai trò nuôi dưỡng đời sống tinh thần và định hướng đạo đức cho cộng đồng. Ngược lại, cư sĩ, những người sống giữa đời sống kinh tế và xã hội lại chính là nguồn hậu thuẫn vật chất giúp cho đời sống tu tập được duy trì. Hai chiều vận động này tạo nên một dạng cân bằng tự nhiên. Chính nhờ sự tương tác qua lại ấy mà cấu trúc xã hội được bảo vệ. Khi các giá trị đạo đức được nuôi dưỡng, đời sống cộng đồng trở nên ổn định hơn; và khi đời sống vật chất được chia sẻ hợp lý, những người dẫn thân cho lý tưởng tinh thần có thể chuyên tâm thực hành và truyền dạy.

Mối quan hệ giữa tu sĩ và cư sĩ không phải là sự lệ thuộc của một bên vào bên kia, mà là một cơ chế cộng sinh, nơi mỗi bên giữ một vai trò riêng nhưng cùng góp phần duy trì trật tự và sự bền vững của xã hội.

Phần I. Đoạn trích trong “Kinh Giáo thọ Thi - ca - la - việt”, Trường Bộ kinh

“... Nay Gia chủ tử, có năm cách vị thiện nam tử đối xử với các vị Sa-môn, Bà-la-môn như phương Trên: Có lòng từ trong hành động về thân; có lòng từ trong hành động về khẩu; có lòng từ trong hành động về ý; mở rộng cửa để đón các vị ấy; cúng dường các vị ấy các vật dụng cần thiết.

Này Gia chủ tử, các vị Bà-la-môn, Sa-môn được vị thiện nam tử đối xử như phương Trên theo năm cách như vậy, có lòng thương tưởng vị thiện nam tử ấy theo năm cách sau đây: Ngăn họ không làm điều ác; khuyến khích họ làm điều thiện; thương xót họ với tâm từ bi, dạy họ những điều chưa nghe; làm cho thanh tịnh điều đã được nghe; chỉ bày con đường đưa đến cõi Trời.

Này Gia chủ tử, các vị Sa-môn, Bà-la-môn được thiện nam tử đối xử như phương Trên với năm cách, và các vị Sa-môn, Bà-la-môn có lòng thương tưởng vị thiện nam tử theo năm cách. Như vậy phương Trên được che chở, được trở thành an ổn và thoát khỏi các sự sợ hãi. Thế Tôn thuyết giảng như vậy.

Thiện thế thuyết giảng xong, bậc Đạo Sư lại giảng thêm:

*Cha mẹ là phương Đông,
Sư trưởng là phương Nam,
Vợ chồng là phương Tây,
Bạn bè là phương Bắc,
Nô bộc là phương Dưới,
Sa-môn, Bà-la-môn, Có nghĩa là phương Trên.
Cư sĩ vì gia đình, Đánh lễ phương hướng ấy.
Kẻ trí giữ Giới, Luật,
Từ tốn và biện tài,
Khiêm nhường và nhu thuận,
Nhờ vậy được danh xưng.
Dậy sớm không biếng nhác,
Bất động giữa hiểm nguy,
Người hiền, không phạm giới,
Nhờ vậy được danh xưng.
Nhiếp chúng, tạo nên bạn,
Từ ái, tâm bao dung,
Dẫn đạo, khuyến hóa đạo,
Nhờ vậy được danh xưng.
Bố thí và ái ngữ,*

Lợi hành bất cứ ai,
Đồng sự trong mọi việc,
Theo trường hợp xử sự.
Chính những nhiếp sự này,
Khiến thế giới xoay quanh,
Như bánh xe quay lăn,
Vòng theo trục xe chính.
Nhiếp sự này vắng mặt,
Không có mẹ hưởng thọ,
Hay không cha hưởng thọ,
Sự hiếu kính của con.
Do vậy bậc có trí,
Đối với nhiếp pháp này,
Như quán sát chấp trì,
Nhờ vậy thành vĩ đại,
Được tán thánh, danh xưng.



Ảnh minh họa (ST)

Phần II. Luận giải đoạn kinh

1. “Phương Trên”

Trong đoạn kệ kết thúc của bản kinh, đức Phật biểu tượng sáu phương của đời sống xã hội: cha mẹ là phương Đông, sư trưởng là phương Nam, vợ chồng là phương Tây, bạn bè là phương Bắc, người làm công là phương Dưới, và Sa-môn, Bà-la-môn là phương Trên.

Cách sắp xếp này thể hiện tính hình tượng trong tư tưởng về cấu trúc xã hội. Phương Trên là nơi con người hướng ánh nhìn lên cao, tượng trưng cho những giá trị vượt lên khỏi nhu cầu sinh tồn thường nhật, suy nghĩ hướng thượng. Sa-môn và Bà-la-môn, trong bối cảnh xã hội Ấn Độ cổ đại, đại diện cho những bậc tu sĩ, đi tìm chân lý và chia sẻ lại đạo pháp cho nhân gian.

Tuy nhiên, điều đáng chú ý là đức Phật không xem các vị tu hành như một tầng lớp quyền lực đứng trên xã hội. Trái lại, bản kinh cho thấy họ tồn tại trong một mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với đời sống của cư sĩ. Sa-môn không phải là những cá nhân tách rời xã hội, mà là những người tham gia vào đời sống xã hội với vai trò hướng dẫn đạo đức và tinh thần.

Chính vì vậy, “phương Trên” trong bản kinh không phải là biểu tượng của quyền lực, mà là biểu tượng của trách nhiệm đạo đức.

2. Trách nhiệm của cư sĩ đối với Sa-môn

Đức Phật chỉ rõ năm cách mà một thiện nam tử nên đối xử với các vị Sa-môn và Bà-la-môn: có lòng từ trong hành động về thân, khẩu và ý; mở rộng cửa đón tiếp; và cúng dường các vật dụng cần thiết.

Ba yếu tố đầu tiên liên quan trực tiếp tới cư sĩ, về thân, khẩu và ý tự thân chứ không phải sự dựa dẫm bên ngoài. Muốn bày tỏ lòng kính trọng với đạo pháp, trước hết mọi sự chính là tự mình hộ trì các căn, gìn giữ đạo đức thông qua miệng, qua hành động và tâm ý. Trong giáo lý Phật giáo, mọi hành động của con người đều được hình thành từ ba phương diện này.

Lòng từ trong hành động thân có nghĩa là cư xử với các vị tu hành bằng sự kính trọng và thiện chí. Lòng từ trong hành động khẩu thể hiện qua lời nói hòa nhã, không xúc phạm hay xem thường. Lòng từ trong hành động ý lại là yếu tố quan trọng nhất, bởi nó phản ánh thái độ chân thành từ bên trong.

Hai yếu tố tiếp theo như mở rộng cửa đón tiếp và cúng dường vật dụng cần thiết cho thấy một khía cạnh rất thực tế của đời sống Tăng đoàn. Tăng đoàn cũng cần được tiếp ứng những thứ cần cho sự duy trì đời sống, cư sĩ nuôi dưỡng tâm từ, giảm bớt lòng tham và học cách chia sẻ với cộng đồng.

3. Trách nhiệm của Sa-môn đối với cư sĩ

Nếu cư sĩ có trách nhiệm hỗ trợ vật chất cho Tăng đoàn, thì Sa-môn cũng có trách nhiệm đáp lại bằng trí tuệ nhân sinh, chỉ dẫn, giảng giải về đạo đức. Đức Phật dạy rằng khi được cư sĩ đối xử bằng năm cách như vậy, các vị Sa-môn sẽ thương tưởng cư sĩ theo năm cách tương ứng là:

(1) Ngăn họ không làm điều ác, (2) khuyến khích họ làm điều thiện, (3) thương xót họ với tâm từ bi, (4) dạy họ những điều chưa nghe, làm cho thanh tịnh điều đã được nghe, và (5) chỉ bày con đường đưa đến cõi Trời.

Vai trò đầu tiên của người tu hành là ngăn chặn điều ác. Tiếp theo là khuyến khích làm điều thiện. Đây là bước phát triển tích cực của đời sống đạo đức. Không chỉ tránh điều xấu, con người còn được hướng dẫn để thực hành những hành động tốt đẹp như bố thí, từ bi và chân thật. Vai trò thứ ba là thương xót với tâm từ bi. Điều này cho thấy người tu hành không chỉ là người truyền đạt giáo lý, mà còn là người đồng cảm với nỗi khổ của con người. Chính lòng từ bi này làm cho lời dạy của họ trở nên gần gũi và có sức thuyết phục. Hai chức năng tiếp theo liên quan đến trí tuệ: dạy những điều chưa nghe và làm cho thanh tịnh điều đã nghe. Người tu hành giúp cư sĩ hiểu đúng giáo pháp, đồng thời chỉnh sửa những nhận thức sai lệch. Cuối cùng, việc chỉ bày con đường đưa đến cõi Trời không chỉ mang ý nghĩa tôn giáo, mà còn phản ánh mục tiêu hướng thiện của đời sống con người, tức sống sao để tương ứng với hoàn cảnh, đời sống ngày càng tốt đẹp hơn.

4. Cơ chế cân bằng giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần

Khi đặt hai nhóm trách nhiệm này cạnh nhau, ta thấy rõ nguyên tắc tương hỗ rất rõ ràng.

Cư sĩ cung cấp điều kiện vật chất để Tăng đoàn tồn tại và có thể nuôi dưỡng, phát triển. Ngược lại, Tăng đoàn đem tới đạo hạnh, khai mở những kiến thức còn bị che lấp. Hai yếu tố này bổ sung cho nhau, tạo nên một sự cân bằng giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần trong một xã hội. Đoạn kinh trình bày một mô hình tổ chức xã hội dựa trên sự cộng tác giữa các tầng lớp khác nhau.

Lời kết

Ý nghĩa của “nhiếp pháp” trong việc duy trì xã hội

Ở phần cuối của đoạn kinh, đức Phật nhắc đến bốn nhiếp pháp: bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

Bốn nguyên tắc này được xem như những phương tiện giúp duy trì sự gắn kết của xã hội. Bố thí là hành động chia sẻ vật chất; ái ngữ là lời nói hòa nhã; lợi hành là hành động mang lại lợi ích cho người khác; và đồng sự là sự đồng hành trong mọi hoàn cảnh.

Đức Phật ví các nhiếp pháp này như trục của bánh xe, giúp cho thế giới vận hành hài hòa. Nếu thiếu những nguyên tắc này, các mối quan hệ xã hội sẽ trở nên rạn nứt.

Trong bối cảnh của bản kinh, bốn nhiếp pháp không chỉ áp dụng cho người tu hành mà còn áp dụng cho cư sĩ. Chính nhờ sự thực hành các nguyên tắc này mà xã hội có thể duy trì được sự ổn định và hòa hợp.

Cư sĩ Phúc Quang

Tài liệu: Đại Tạng kinh Việt Nam - Trường Bộ kinh (Digha Nikaya)/ Tập 3 - Kinh Giáo thọ Thi - ca - la - việt (Sigàlovàda sutta), Dịch giả: Hoà thượng Thích Minh Châu